



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616  
www.vaco.com.vn / vacohcm@vaco.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014 .**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Số 1D đường Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)
Ông Phan Minh Sáng	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Phan Trung Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2014)
Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)
Ông Phạm Văn Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2014)
Ông Lý Thanh Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)
Ông Trương Tấn Lộc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)
Ông Trần Văn Thuộc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)
Ông Vũ Hồng Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/05/2014)
Ông Phạm Văn Tuấn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/11/2014)
Ông Đỗ Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/09/2014)
Ông Lý Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/05/2014)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Minh Sáng  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Số: 005 /VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 01 năm 2015, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, báo cáo kiểm toán số 08/2014/SVCT - BCKT ngày 26/02/2014 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Minh Hùng  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận ĐKHN số 0294-2013-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2015



Nguyễn Mạnh Thắng  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận ĐKHN số 1826-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>228.535.702.107</b>	<b>160.698.688.632</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>25.382.030.478</b>	<b>28.914.503.994</b>
1. Tiền	111		22.382.030.478	19.914.503.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	9.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>67.075.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		67.075.000.000	8.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.010.216.913</b>	<b>61.738.754.727</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	72.211.546.973	62.631.304.892
2. Trả trước cho người bán	132		4.184.486.883	7.310.945.286
3. Các khoản phải thu khác	135		3.482.766.591	540.591.959
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.868.583.534)	(8.744.087.410)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>62.601.694.541</b>	<b>56.291.992.208</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	62.601.694.541	56.291.992.208
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.466.760.175</b>	<b>5.753.437.703</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.632.293.744	630.801.919
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.740.310.072	4.475.169.811
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		128.107.709	128.252.700
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		966.048.650	519.213.273
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>191.485.482.762</b>	<b>171.289.609.878</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.641.597.695</b>	<b>140.827.001.927</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	108.828.891.892	103.240.661.124
- Nguyên giá	222		176.351.175.136	162.818.195.373
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.522.283.244)	(59.577.534.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	45.322.361.283	20.376.803.433
- Nguyên giá	228		46.249.034.849	20.798.476.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(926.673.566)	(421.673.566)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	9.490.344.520	17.209.537.370
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>2.045.655.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	2.045.655.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.843.885.067</b>	<b>28.416.952.951</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	27.543.878.886	28.416.952.951
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	300.006.181	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>420.021.184.869</b>	<b>331.988.298.510</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẤU SỐ B 01-DN/HN	
			31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>105.661.054.356</b>	<b>169.634.674.277</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.661.054.356</b>	<b>151.834.674.277</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	56.827.847.552	95.795.732.436
2. Phải trả người bán	312	15	17.967.468.388	11.718.883.207
3. Người mua trả tiền trước	313		3.982.058.032	4.724.440.742
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	6.187.357.017	6.294.848.768
5. Phải trả người lao động	315		9.861.716.650	10.715.346.880
6. Chi phí phải trả	316	17	3.260.782.285	2.677.695.635
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	1.364.851.836	13.051.795.714
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.208.972.596	6.855.930.895
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>17.800.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	-	17.800.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>276.814.082.913</b>	<b>127.705.354.730</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>276.814.082.913</b>	<b>127.705.354.730</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		158.129.150.000	83.129.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.666.797.196	2.389.610.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127.728.500	127.728.500
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(3.807.416.804)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		69.171.084.601	68.891.933.657
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		29.571.618.926	29.100.283.062
7. Lợi nhuận/(Lỗ lũy kế) sau thuế chưa phân phối	420		16.147.703.690	(52.125.933.685)
<b>B. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>37.546.047.600</b>	<b>34.648.269.503</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>420.021.184.869</b>	<b>331.988.298.510</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
1. Ngoại tệ USD			192.094,55	398.472,84
2. Ngoại tệ EUR			473,16	495,00



**Phan Minh Sáng**  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015

**Trần Tấn Long Thạch**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Lê Long Điền**  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		477.127.552.831	708.566.066.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.902.843.412	1.523.127.875
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>475.224.709.419</b>	<b>707.042.938.480</b>
(10=01-02)				
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	370.420.533.716	638.009.680.119
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>104.804.175.703</b>	<b>69.033.258.361</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	14.859.093.147	4.013.249.397
7. Chi phí tài chính	22	27	7.292.253.243	15.553.791.533
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		6.437.941.969	13.814.242.849
8. Chi phí bán hàng	24		30.410.856.006	31.948.470.149
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.034.598.009	30.362.807.184
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>47.925.561.592</b>	<b>(4.818.561.108)</b>
(30=20+(21-22)-(24+25))				
11. Thu nhập khác	31		24.612.592.861	58.430.752.642
12. Chi phí khác	32		2.546.439.495	45.444.805.494
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>28</b>	<b>22.066.153.366</b>	<b>12.985.947.148</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>69.991.714.958</b>	<b>8.167.386.040</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		8.002.621.722	8.398.765.627
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		300.006.181	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>62.289.099.417</b>	<b>(231.379.587)</b>
Phân phối cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số			523.228.752	(3.415.128.156)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			61.765.870.666	3.183.748.569
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>5.369</b>	<b>397</b>

Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởngNguyễn Lê Long Điền  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2014</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	69.991.714.958
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
- Khấu hao tài sản cố định	2	11.764.150.101
- Các khoản dự phòng	3	5.124.496.124
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	5	(33.322.781.311)
- Chi phí lãi vay	6	854.311.274
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>54.411.891.146</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(11.717.891.580)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(6.309.702.333)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	3.864.279.325
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(128.417.760)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(854.311.274)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.956.305.285)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.568.544.168)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>30.740.998.071</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(38.188.664.158)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.441.535.455
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(59.075.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.259.604.000
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.056.938.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(52.505.586.703)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	75.000.000.000
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	297.545.597.814
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(354.313.482.698)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>18.232.115.116</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.532.473.516)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>28.914.503.994</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>25.382.030.478</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập cổ tức phải trả năm 2011 theo nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội cổ đông bất thường Công ty về việc thay đổi phương án trả cổ tức với số tiền là 12.469.372.500 đồng. Vì vậy chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả đã được điều chỉnh một khoản tương ứng.

Chi phí mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm khoản công nợ chưa thanh toán cho nhà cung cấp vào cuối kỳ với số tiền là 1.476.876.401 đồng. Vì vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm khoản phải trả.



*[Signature]*  
**Phan Minh Sáng**  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015

*[Signature]*  
**Trần Tấn Long Thạch**  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
**Nguyễn Lê Long Điền**  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 9 ngày 02/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 158.129.150.000 đồng, tương đương 15.812.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH (SCIC)	3.500.000	35.000.000.000	42%
Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	58%
<b>Cộng</b>	<b>8.312.915</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100%</b>

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Công ty có đầu tư vào hai công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Thành phố Cần Thơ	95,45%	95,45%	Chế biến nông sản xuất khẩu
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Tỉnh Long An	78,65%	78,65%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

Tổng số nhân viên bao gồm cả 2 Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 727 người (tại ngày 31/12/2013 là 688 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn gạo, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác (trừ thịt động vật thuộc danh mục cấm); Bán buôn đồ uống; Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...), dịch vụ phục vụ đồ uống và các dịch vụ ăn uống khác; Kinh doanh hoạt động xử lý hạt giống để nhân giống;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho - những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường; Kinh doanh hoạt động xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

##### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

800  
CÔ  
CÔ  
TU  
NG  
CẢ  
KIÊN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

51  
V.G.  
PH.  
K.Y.  
NG.  
NT  
J.T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay (Tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	-	203.973.618
Tiền gửi ngân hàng	-	19.710.530.376
Các khoản tương đương tiền	-	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>28.914.503.994</b>

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	10.000.000.000	8.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn - Công ty CP Đầu tư FIT	18.300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn - Công ty CP ĐT-TM Hoa Sen VN	14.175.000.000	-
Đầu tư cổ phiếu - Công ty TNHH MTV	-	-
Phân bón Dầu khí Cà Mau	24.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>67.075.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.620.000.000
Trương Tấn Lộc	-	3.130.758.000
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhật Nguyệt	18.285.249.819	-
DNTN Quý Hằng	4.093.520.935	4.394.511.027
Công ty TNHH Sản Xuất TM Hải Hằng	2.055.575.215	2.312.147.977
Đại Lý VTNN Tích Thảo	2.212.065.189	2.212.065.189
Hộ Kinh Doanh Tấn Tài	1.534.303.200	1.824.303.200
Cty TNHH An Hưng Phát	1.485.000.000	1.485.567.000
Cửa hàng mua bán thuốc BVTV Trịnh Ngọc Tuấn	816.656.688	1.846.062.714
Đại Lý VTNN Diễm Tươi	503.708.781	1.160.792.471
Nguyễn Thanh Long	962.480.581	962.480.581
Cửa hàng VTNN Thái Công Tại	575.550.961	1.455.447.007
Đại Lý VTNN Minh Anh	653.693.280	1.166.864.915
Maxwill (ASIA) PTE LTD	3.508.889.662	10.840.224.206
PORT ROYAL SALES LTD	1.364.818.560	692.869.968
KATAOKA AND CO., LTD	-	5.651.707.740
KK FOOD TRADING CO.,LTD	2.765.479.200	645.707.040
Các đối tượng khác	27.874.554.902	19.229.795.857
	<b>72.211.546.973</b>	<b>62.631.304.892</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng đang đi đường	7.051.436.246	-
Nguyên vật liệu (*)	25.486.798.375	14.735.558.853
Công cụ dụng cụ	563.165.432	524.407.150
Thành phẩm (**)	25.561.221.268	23.460.247.016
Hàng hóa	2.955.442.841	17.571.779.189
Hàng gửi đi bán	983.630.379	-
<b>Cộng</b>	<b>62.601.694.541</b>	<b>56.291.992.208</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.601.694.541</b>	<b>56.291.992.208</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**7. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

(\*) Chi tiết Nguyên vật liệu:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trái cây nguyên liệu	543.871.526	1.847.462.670
Sản phẩm cấp đông	1.164.805.309	157.182.439
Bán thành phẩm cấp đông	4.257.549.187	4.088.554.353
Nguyên liệu Thuốc sâu	5.343.826.605	1.075.686.040
Nguyên liệu Thuốc bệnh	7.666.907.860	2.918.413.765
Nguyên liệu Thuốc cỏ	4.030.772.978	2.993.694.733
Nguyên liệu Thuốc kích thích sinh trưởng	342.282.634	7.237.283
Nguyên liệu bao bì	2.124.612.790	1.647.327.570
Nguyên liệu hợp chất ra rễ	12.169.486	-
	<u>25.486.798.375</u>	<u>14.735.558.853</u>

(\*\*) Chi tiết Thành phẩm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bắp đóng lon	856.459.168	2.902.960.010
Cocktail đóng lon	4.125.985.993	3.228.916.814
Các sản phẩm đóng lon khác	54.805.657	30.402.645
Nấm đóng lon	-	478.440
Sản phẩm cấp đông	5.651.434.113	2.088.618.969
Phân bón	87.375.490	104.820.562
Thuốc sâu	2.894.174.588	5.967.072.989
Thuốc bệnh	5.990.848.955	4.507.095.742
Thuốc cỏ	5.719.859.545	4.437.830.712
Thuốc kích thích sinh trưởng	180.277.759	192.050.133
	<u>25.561.221.268</u>	<u>23.460.247.016</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	102.232.169.809	48.834.563.957	11.300.070.984	353.980.977	97.409.646	162.818.195.373
Mua trong năm	9.615.491.964	1.419.090.000	6.613.113.637	561.504.413	-	18.209.200.014
Thanh lý, nhượng bán	(206.410.444)	(567.308.190)	(3.902.501.617)	-	-	(4.676.220.251)
Tại ngày 31/12/2014	<u>111.641.251.329</u>	<u>49.686.345.767</u>	<u>14.010.683.004</u>	<u>915.485.390</u>	<u>97.409.646</u>	<u>176.351.175.136</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	29.649.767.839	22.114.696.425	7.459.776.502	255.883.837	97.409.646	59.577.534.249
Khấu hao trong năm	5.285.729.611	4.701.071.115	1.240.796.047	31.553.328	-	11.259.150.101
Thanh lý, nhượng bán	(160.031.794)	(475.350.107)	(2.679.019.205)	-	-	(3.314.401.106)
Tại ngày 31/12/2014	<u>34.775.465.656</u>	<u>26.340.417.433</u>	<u>6.021.553.344</u>	<u>287.437.165</u>	<u>97.409.646</u>	<u>67.522.283.244</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2014	<u>76.865.785.673</u>	<u>23.345.928.334</u>	<u>7.989.129.660</u>	<u>628.048.225</u>	-	<u>108.828.891.892</u>
Tại ngày 01/01/2014	<u>72.582.401.970</u>	<u>26.719.867.532</u>	<u>3.840.294.482</u>	<u>98.097.140</u>	-	<u>103.240.661.124</u>

Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định để thế chấp cho các khoản vay với giá trị là 125.692.977.886 đồng (31/12/2013: 82.009.287.232 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 22.646.975.615 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 17.752.829.666 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền nhãn thuốc	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	20.376.803.433	308.405.680	113.267.886	20.798.476.999
Mua sắm trong năm	5.250.557.850	20.200.000.000	-	25.450.557.850
Tại ngày 31/12/2014	25.627.361.283	20.508.405.680	113.267.886	46.249.034.849
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	-	308.405.680	113.267.886	421.673.566
Khấu hao trong năm	-	505.000.000	-	505.000.000
Tại ngày 31/12/2014	-	813.405.680	113.267.886	926.673.566
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2014	25.627.361.283	19.695.000.000	-	45.322.361.283
Tại ngày 01/01/2014	20.376.803.433	-	-	20.376.803.433

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành về đất nông nghiệp, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

**10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01/01	17.209.537.370	18.589.587.482
Tăng trong năm	2.800.000	-
Chuyển sang tài sản cố định	(5.250.557.850)	(1.380.050.112)
Thanh lý, nhượng bán	(2.471.435.000)	-
Tại ngày 31/12	9.490.344.520	17.209.537.370

Chi tiết số dư cuối kỳ như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên TSC	9.490.344.520	16.326.057.370
Chi phí đăng ký bản quyền nhãn thuốc	-	550.780.000
Chi phí khảo nghiệm, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	-	310.700.000
Lệ phí đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	-	22.000.000
	9.490.344.520	17.209.537.370

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Thành phố Cần Thơ	95,45%	95,45%	Chế biến nông sản xuất khẩu
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Tỉnh Long An	78,65%	78,65%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số đầu kỳ	28.416.952.951	28.679.823.150
Tăng trong kỳ	-	253.605.500
Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	(873.074.065)	(516.475.699)
Số cuối kỳ	<u>27.543.878.886</u>	<u>28.416.952.951</u>

Chi tiết số dư cuối kỳ như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí thuê đất trả trước	27.453.878.886	28.066.851.018
Công cụ dụng cụ	90.000.000	350.101.933
Cộng	<u>27.543.878.886</u>	<u>28.416.952.951</u>

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Ghi nhận vào kết quả HĐKD hợp nhất	300.006.181	300.006.181
Tại ngày 31/12/2014	<u>300.006.181</u>	<u>300.006.181</u>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	50.027.847.552	95.795.732.436
Vay dài hạn đến hạn trả	6.800.000.000	-
	<u>56.827.847.552</u>	<u>95.795.732.436</u>
Chi tiết các khoản vay như sau:		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	12.358.520.000	55.764.417.505
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	28.218.334.541	30.193.732.566
Vay Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	4.000.000.000	9.837.582.365
Vay cá nhân	5.450.993.011	-
Cộng	<u>50.027.847.552</u>	<u>95.795.732.436</u>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	6.800.000.000	-
Cộng	<u>6.800.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u>56.827.847.552</u>	<u>95.795.732.436</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hợp tác xã Thanh Phong	669.208.801	-
NONFENG AGROCHEM CO., LTD	10.188.807.730	2.352.242.600
HK PESTICIDE ENTERPRISE LIMITED	-	2.089.945.200
Công ty TNHH Kiến Nam	220.999.800	-
Công ty TNHH Thuận An Điền	158.951.786	58.292.497
Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can Manufacturing	2.587.459.761	3.369.329.893
Công ty TNHH King Group	544.437.628	416.749.542
Công ty Cổ Phần PHL	922.692.260	204.610.815
Cty TNHH KT Lạnh Trường An	358.531.800	-
Các đối tượng khác	2.316.378.822	3.227.712.660
	<u>17.967.468.388</u>	<u>11.718.883.207</u>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	355.384.915	5.636.305.285
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.730.953.059	592.375.666
Thuế thu nhập cá nhân	65.604.770	66.167.817
Các khoản phải nộp khác	35.414.273	-
<b>Cộng</b>	<u>6.187.357.017</u>	<u>6.294.848.768</u>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí chiết khấu cho khách hàng	2.065.780.969	1.673.715.806
Chi phí hoa hồng	553.259.671	564.892.916
Chi phí điện	123.012.000	70.135.680
Chi phí điện thoại	-	4.000.000
Chi phí kiểm toán	50.000.000	80.000.000
Thù lao HĐQT quý 4/2014	27.000.000	-
Phí gửi chứng từ	-	12.685.661
Phí THC-Bill-Seal	-	20.779.210
Chi phí vận chuyển và chi phí khác	441.729.645	251.486.362
	<u>3.260.782.285</u>	<u>2.677.695.635</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	224.875.373	148.847.780
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	129.678.148	1.850.927
Cổ tức phải trả (*)	-	12.573.266.264
Quy sắp xếp doanh nghiệp	45.300.743	-
Hoa hồng thu hộ thuế TNCN	-	-
Thưởng xuất khẩu của Bộ Thương Mại	85.000.000	85.000.000
Xuất hàng đổi cho đại lý	370.928.000	31.420.078
Lãi hợp tác đầu tư	125.555.554	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	383.514.018	211.410.665
	<b>1.364.851.836</b>	<b>13.051.795.714</b>

(\*) Cổ tức phải trả phản ánh số cổ tức được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2011 trở về trước mà Công ty chưa thanh toán cho Cổ đông. Trong năm, theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội cổ đông bất thường Công ty đã biểu quyết thông qua việc thay đổi phương án chi trả cổ tức năm 2011: Theo đó, cổ tức năm 2011 sẽ được chi trả với giá trị là 11.069.040.000 đồng bằng cổ phiếu thay vì bằng tiền như phương án trước đây. Do đó, Công ty hạch toán chuyển toàn bộ khoản phải trả cổ tức này về chi tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và sẽ lấy nguồn từ đây để chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nêu trên.

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Cần Thơ	-	17.800.000.000
	-	<b>17.800.000.000</b>

Đây là khoản vay tại Công ty Cổ phần Nông dược TSC: Tại ngày 5 tháng 7 năm 2010, Công ty Cổ phần Nông dược TSC ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công Thương, Chi nhánh Cần Thơ với số tiền 29.848.976.050 đồng để đầu tư dự án xây dựng nhà máy gia công, sang chai đóng gói và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 2011 đến ngày 16 tháng 7 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất SIBOR, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần (12,5% tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và 30 tháng 6 năm 2014) và được trả mỗi 6 tháng.

Công ty Cổ phần Nông dược TSC sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền thuê đất và quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị hoàn chỉnh...) và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của công ty tọa lạc tại số MA3 Đường số 5 Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10.NV.0019, với giá trị 15.141.000.000 đồng để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.000.000.000	11.000.000.000
Trong năm thứ hai	-	6.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>17.800.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(6.000.000.000)	(11.000.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>6.800.000.000</b>

Tại thời điểm 31/12/2014, khoản vay dài hạn này đã được phân loại lại là vay dài hạn đến hạn trả và sẽ được thanh toán trong năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

*Đơn vị: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	68.074.416.804	28.630.863.998	(51.435.618.581)	127.108.733.917
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.183.748.569	3.183.748.569
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	817.516.853	469.419.064	(1.286.935.917)	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	(2.587.127.756)	(2.587.127.756)
Số dư tại 31/12/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	68.891.933.657	29.100.283.062	(52.125.933.685)	127.705.354.730
Trích quỹ	-	-	-	-	301.253.497	554.638.360	(855.891.857)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.180.141.052)	(2.180.141.052)
Công ty con chia cổ tức cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(414.928.585)	(414.928.585)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	62.289.099.417	62.289.099.417
Tăng vốn trong năm	75.000.000.000	-	-	-	-	-	-	75.000.000.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.292.583.196	-	3.807.416.804	-	-	-	5.100.000.000
Giảm cổ tức phải trả 2011	-	-	-	-	-	-	12.469.372.500	12.469.372.500
Lợi ích cổ đông thiểu số Thay đổi lợi ích cổ đông thiểu số do đổi tỉ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	(22.102.553)	(83.302.496)	(523.228.752)	(628.633.801)
Tăng/(giảm) khác	-	(15.396.000)	-	-	-	-	-	(15.396.000)
Số dư tại 31/12/2014	158.129.150.000	3.666.797.196	127.728.500	-	69.171.084.601	29.571.618.926	16.147.703.690	276.814.082.913

Trong năm, Công ty đã bán 300.000 cổ phiếu quỹ với giá trị chuyển nhượng 5.100.000.000 đồng, chi phí chuyển nhượng là 15.396.000 đồng.

Trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 22/07/2014, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T với số lượng 7.500.000 cổ phiếu, tương đương giá trị là 75.000.000.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 158.129.150.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Trong năm, theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội cổ đông bất thường Công ty đã biểu quyết thông qua việc thay đổi phương án chi trả cổ tức năm 2011: Theo đó, cổ tức năm 2011 sẽ được chi trả với giá trị là 11.069.040.000 đồng bằng cổ phiếu thay vì bằng tiền như phương án trước đây. Do đó, Công ty hạch toán chuyển toàn bộ khoản phải trả cổ tức này về chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và sẽ lấy nguồn từ đây để chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nêu trên.

Trong năm, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây đã phân phối lợi nhuận để trích lập quỹ đầu tư phát triển với tổng số tiền là 301.253.497 đồng, quỹ dự phòng tài chính: 554.638.360 đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi 2.180.141.052 đồng.

Cổ phiếu	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.812.915	8.312.915
+ Cổ phiếu phổ thông	15.812.915	8.312.915
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	-	300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.812.915	8.012.915
+ Cổ phiếu phổ thông	15.812.915	8.012.915
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD sửa đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 158.129.150.000 đồng. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được các thành viên góp đủ như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Cổ đông	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
		Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ
1	Công Ty CP Đầu Tư F.I.T.	102.805.000.000	65,01%	-	0,00%
2	Tổng công ty kinh doanh vốn nhà nước	-	0,00%	35.000.000.000	42,10%
3	Cổ đông khác	55.324.150.000	34,99%	48.129.150.000	57,90%
	<b>Cộng</b>	<b>158.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, Tổng Công ty kinh doanh vốn Nhà nước đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của mình cho các cổ đông cá nhân với tổng số cổ phiếu chuyển nhượng là 3.500.000 Cổ phiếu tương đương với 35.000.000.000 đồng. Tiếp theo, trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 22/07/2014, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T với số lượng 7.500.000 cổ phiếu, tương đương giá trị là 75.000.000.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 158.129.150.000 đồng. Công ty cũng đã hoàn thành thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 9 ngày 02/12/2014 phù hợp với tình hình biến động vốn điều lệ nêu trên

**21. CỔ TỨC**

Trong năm, theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội cổ đông bất thường Công ty đã biểu quyết thông qua việc thay đổi phương án chi trả cổ tức năm 2011: Theo đó, cổ tức năm 2011 sẽ được chi trả với giá trị là 11.069.040.000 đồng bằng cổ phiếu thay vì bằng tiền như phương án trước đây. Do đó, Công ty hạch toán chuyển toàn bộ khoản phải trả cổ tức này về chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và sẽ lấy nguồn từ đây để chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - Bộ phận sản xuất kinh doanh vật tư kỹ thuật nông nghiệp, Bộ phận sản xuất kinh doanh các mặt hàng nông được, bộ phận chế biến thực phẩm và bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 04 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 04 bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận sản xuất kinh doanh vật tư kỹ thuật nông nghiệp: sản xuất và kinh doanh các mặt hàng vật tư kỹ thuật nông nghiệp.

Bộ phận sản xuất kinh doanh các mặt hàng nông được: sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông được.

Bộ phận chế biến thực phẩm: chế biến thực phẩm phục vụ xuất khẩu

Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác: cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Năm 2014**

**Bảng cân đối kế toán**

**Tại ngày 31/12/2014**

	<b>Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND</b>	<b>Nông được VND</b>	<b>Chê biên thực phẩm VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	303.191.677.154	217.353.069.801	79.075.539.727	17.162.917.838	(196.762.019.651)	<u>420.021.184.869</u>
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<u><b>420.021.184.869</b></u>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	(39.211.740.592)	(50.062.526.743)	(38.774.789.018)	-	22.388.001.997	<u>(105.661.054.356)</u>
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<u><b>(105.661.054.356)</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Năm 2014	Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND	Nông dược VND	Chê biên thực phẩm VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	174.069.549.875	87.880.985.966	188.643.303.578	24.630.870.000	-	475.224.709.419
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	25.185.423.980			9.230.467.435	(34.415.891.415)	-
Tổng doanh thu	199.254.973.855	87.880.985.966	188.643.303.578	33.861.337.435	(34.415.891.415)	475.224.709.419
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Giá vốn	193.174.653.171	64.993.976.237	141.470.877.120	3.833.254.144	(33.052.226.956)	370.420.533.716
<b>Lãi gộp</b>	<b>6.080.320.684</b>	<b>22.887.009.729</b>	<b>47.172.426.458</b>	<b>30.028.083.291</b>	<b>(1.363.664.459)</b>	<b>104.804.175.703</b>
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý						64.445.454.015
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						40.358.721.688
Lãi (lỗ) khác						22.066.153.366
Doanh thu tài chính						14.859.093.147
Chi phí tài chính						7.292.253.243
Lợi nhuận trước thuế						69.991.714.958
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						8.002.621.722
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						300.006.181
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>62.289.099.417</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm 2013

**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2013	Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND	Nông được VND	Chê biên thực phẩm VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	189.380.884.343	153.650.368.256	79.294.191.879	15.682.362.978	(106.019.508.946)	331.988.298.510
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<b>331.988.298.510</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	77.980.944.013	76.567.963.453	37.794.916.381	-	(22.709.149.570)	169.634.674.277
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<b>169.634.674.277</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Năm 2013

Năm 2013	Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND	Nông được VND	Chê biên thực phẩm VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	437.764.879.857	95.588.880.574	173.689.178.049	-	-	707.042.938.480
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	1.722.443.017	(1.722.443.017)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>437.764.879.857</b>	<b>95.588.880.574</b>	<b>173.689.178.049</b>	<b>1.722.443.017</b>	<b>(1.722.443.017)</b>	<b>707.042.938.480</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Giá vốn	434.881.050.705	80.938.163.820	123.314.172.276	459.729.098	(1.583.435.780)	638.009.680.119
<b>Lãi gộp</b>	<b>2.883.829.152</b>	<b>14.650.716.754</b>	<b>50.375.005.773</b>	<b>1.262.713.919</b>	<b>(139.007.237)</b>	<b>69.033.258.361</b>
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý						62.311.277.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						6.721.981.028
Lãi (lỗ) khác						12.985.947.148
Doanh thu tài chính						4.013.249.397
Chi phí tài chính						15.553.791.533
Lợi nhuận trước thuế						8.167.386.040
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						8.398.765.627
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>(231.379.587)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	201.717.663.024	484.350.697.124
Doanh thu bán thành phẩm	245.607.905.308	218.551.474.131
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.268.271.087	4.140.767.225
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	24.630.870.000	-
	<u>475.224.709.419</u>	<u>707.042.938.480</u>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	194.094.039.907	480.248.385.026
Giá vốn bán thành phẩm	174.092.227.037	157.301.565.995
Giá vốn cung cấp dịch vụ	649.111.772	459.729.098
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	1.585.155.000	-
	<u>370.420.533.716</u>	<u>638.009.680.119</u>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	211.118.056.269	157.072.864.035
Chi phí nhân công	50.095.684.533	38.133.571.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.370.461.156	10.878.684.663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.678.996.756	24.747.520.731
Chi phí khác	9.946.466.871	8.988.598.195
	<u>313.209.665.585</u>	<u>239.821.238.909</u>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	1.894.938.000	581.380.756
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	401.919.807	424.006.683
Lãi chậm thanh toán	270.890.340	2.845.861.958
Cổ tức	162.000.000	162.000.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn	12.129.345.000	-
	<u>14.859.093.147</u>	<u>4.013.249.397</u>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi vay	6.437.941.969	13.814.242.849
Lỗ chênh lệch tỷ giá	854.311.274	1.349.030.841
Chi phí tài chính khác	-	390.517.843
	<u>7.292.253.243</u>	<u>15.553.791.533</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**28. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ khoản thanh lý tài sản dài hạn	23.441.535.455	56.500.000.000
Thu khác	1.171.057.406	1.930.752.642
<b>Cộng thu nhập khác</b>	<b>24.612.592.861</b>	<b>58.430.752.642</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản	2.248.099.144	45.136.611.109
Chi thu thuế và vi phạm hành chính	192.600.000	307.572.975,00
Chi phí khác	105.740.351	621.410
<b>Cộng chi phí khác</b>	<b>2.546.439.495</b>	<b>45.444.805.494</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>22.066.153.366</b>	<b>12.985.947.148</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>69.991.714.958</b>	<b>8.167.386.040</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.002.621.722</b>	<b>8.398.765.627</b>
<i>Trong đó</i>		
Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh BĐS	5.070.057.300	2.762.460.342
Thuế TNDN của HDKT chính của Công ty	-	-
Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	2.932.564.422	5.636.305.285
Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Nông dược TSC	-	-
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.002.621.722</b>	<b>8.398.765.627</b>

**Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ:**

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

Công ty có một số khoản lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh từ các kỳ trước và sẽ được trừ toàn bộ và liên tục vào thu nhập chịu thuế của các năm tiếp theo. Số lỗ này sẽ hết hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số tiền (VND)	Số lỗ đã chuyển (VND)	Số còn được chuyển (VND)
2012	2013 – 2017	59.041.519.038	(34.484.077.475)	24.557.441.563
2013	2014 – 2018	15.912.479.045	-	15.912.479.045

**Công ty Cổ phần Nông dược TSC**

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 50221000182 ngày 27/10/2009 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Long An, Công ty Cổ phần Nông dược TSC được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- Thuế suất thuế TNDN được áp dụng tại Công ty là 20% (hai mươi phần trăm) và được áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu và bằng 25% trong các năm tiếp theo.
- Doanh nghiệp được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty được miễn thuế TNDN.
- Năm 2014 là năm thứ tư Công ty Cổ phần Nông dược TSC được hưởng thuế suất 20% và cũng là năm thứ hai Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp. Năm 2014 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi, tuy nhiên Công ty thực hiện chuyển lỗ từ năm 2012 để trừ vào thu nhập chịu thuế thì Công ty vẫn không có thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/IIH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	61.765.870.666	3.183.748.569
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	11.504.504	8.019.518
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.369</b>	<b>397</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	56.827.847.552	113.595.732.436
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	25.382.030.478	28.914.503.994
Nợ thuần	31.445.817.074	84.681.228.442
Vốn chủ sở hữu	276.814.082.913	127.705.354.730
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>11,36%</b>	<b>66,31%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.382.030.478	28.914.503.994
Đầu tư ngắn hạn	67.075.000.000	8.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.825.730.030	54.427.809.441
Đầu tư dài hạn khác	-	2.045.655.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.282.760.508</b>	<b>93.387.968.435</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	56.827.847.552	113.595.732.436
Phải trả người bán và phải trả khác	17.967.468.388	11.718.883.207
Chi phí phải trả	-	2.677.695.635
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.795.315.940</b>	<b>127.992.311.278</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.382.030.478	-	-	25.382.030.478
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.825.730.030	-	-	61.825.730.030
Đầu tư ngắn hạn	67.075.000.000	-	-	67.075.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.282.760.508</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>154.282.760.508</b>
Các khoản vay	56.827.847.552	-	-	56.827.847.552
Phải trả người bán và phải trả khác	17.967.468.388	-	-	17.967.468.388
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.795.315.940</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>74.795.315.940</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>79.487.444.568</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>79.487.444.568</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.914.503.994	-	-	28.914.503.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.427.809.441	-	-	54.427.809.441
Đầu tư ngắn hạn	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	2.045.655.000	2.045.655.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.342.313.435</b>	<b>-</b>	<b>2.045.655.000</b>	<b>93.387.968.435</b>
Các khoản vay	106.795.732.436	6.800.000.000	-	113.595.732.436
Phải trả người bán và phải trả khác	11.718.883.207	-	-	11.718.883.207
Chi phí phải trả	2.677.695.635	-	-	2.677.695.635
<b>Tổng cộng</b>	<b>121.192.311.278</b>	<b>6.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>127.992.311.278</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(29.849.997.843)</b>	<b>(6.800.000.000)</b>	<b>2.045.655.000</b>	<b>(34.604.342.843)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. SÓ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Nghiệp vụ với các bên liên quan:**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.</b>		
Nhận vốn góp	75.000.000.000	-
Nhận tiền vay	25.350.000.000	-
Trả nợ gốc vay	21.350.000.000	-
Chi phí lãi vay	128.520.832	-
Hợp tác đầu tư	58.650.000.000	-
Thu hồi các khoản hợp tác đầu tư	40.350.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	434.970.139	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***32. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Tổng thu nhập	1.332.454.000	1.288.000.000
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.</b>		
Đầu tư ngắn hạn (cho vay)	18.300.000.000	-
Vay ngắn hạn	4.000.000.000	-

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường số 49/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2014, Công ty thống nhất phương án phát hành thêm 131.835.171 cổ phần. Sau ngày 31/12/2014, Công ty đang triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn này.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Riêng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được lập theo phương pháp trực tiếp nên không so sánh được với số liệu kỳ này được lập theo phương pháp gián tiếp.



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Long Điền  
Người lập biểu